

Số: 632/TB-BV

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải tổ chức thông báo mời Báo giá theo Luật Đấu thầu gói thầu: **“Sửa chữa, thay mới rèm che cửa tại Khoa Phụ sản sơ sinh và Khoa Chấn thương chỉnh hình – Bệnh viện GTVT”**, với các nội dung như sau:

- Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn.
- Phạm vi công việc: Sửa chữa, thay mới rèm che cửa tại Khoa Phụ sản sơ sinh và Khoa Chấn thương chỉnh hình.
- Địa điểm: Tầng 5 – Nhà M - Bệnh viện Giao thông vận tải.

Bệnh viện GTVT mời các Nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm tới tham gia khảo sát và báo giá gói thầu nêu trên. Nhà thầu có nguyện vọng tham gia báo giá gói thầu trên có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại Phòng Hành chính quản trị, tầng 3, nhà E, Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải.

Địa chỉ: Số 169 phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37664751 - 0243.7606062; Fax: 024.37661799.

Di động: Mr.Dũng – 0912.013.222

Thời gian phát hành bản yêu cầu báo giá từ 10 giờ 00 phút, ngày 29/9/2025 đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 02/10/2025.

Báo giá sẽ được mở công khai vào lúc 10h10' ngày 02/10/2025 - giờ Việt Nam, tại Phòng 301, nhà E, Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải.

Bệnh viện Giao thông vận tải kính mời đại diện các Nhà thầu tới nộp báo giá và tham dự lễ mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên (qua Website Bệnh viện);
- Lưu: VT, CNTT, HCQT.



GIÁM ĐỐC

TS. BS. Bùi Sỹ Tuấn Anh

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Mục 1. Nội dung mời báo giá

Bệnh viện Giao thông vận tải mời Công ty/Nhà thầu báo giá gói thầu sau đây:

1. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải.
2. Tên gói thầu: Sửa chữa, thay mới rèm che cửa tại Khoa Phụ sản sơ sinh và Khoa Chấn thương chỉnh hình – Bệnh viện GTVT.
3. Địa điểm: Bệnh viện Giao thông vận tải, số 169 phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, thành phố Hà Nội.
4. Nội dung công việc: (Xem bảng khối lượng mời báo giá đính kèm)

Ghi chú:

- Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc báo giá. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. Nhà thầu cần liên hệ trước với Chủ đầu tư để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu;

- Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có);

- Khối lượng theo bảng khối lượng mời báo giá là khối lượng mang tính tham khảo, nhà thầu dựa vào thực tế để đưa ra khối lượng phù hợp. Nếu có phát sinh tăng hoặc giảm khối lượng so với thực tế, nhà thầu cần lập bảng khối lượng bổ sung tăng hoặc giảm và phải tách thành một bảng riêng để Chủ đầu tư xem xét làm cơ sở tính khối lượng bổ sung trong báo giá.

5. Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
6. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn thu viện phí và các nguồn vốn hợp pháp khác.
7. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Mục 2. Yêu cầu về vật tư – thiết bị:

1. Chi tiết vật tư – thiết bị: Bao gồm các nội dung tên vật tư – thiết bị, thông số kỹ thuật/quy cách vật tư – thiết bị, số lượng chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Yêu cầu về vật tư – thiết bị:

- Các vật tư – thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mác mã, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ.

- Đối với vật tư - thiết bị mà nhà thầu đề xuất báo giá là loại tương đương hoặc tốt hơn thì phải kèm theo tài liệu chứng minh tương đương hoặc tốt hơn loại vật tư – thiết bị mà Bệnh viện Giao thông vận tải yêu cầu và lập bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, thời hạn sử dụng.

Mục 3. Các yêu cầu về năng lực của nhà thầu.

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp); tài liệu chứng minh năng lực nhà thầu.

- Đối với hàng hóa có đặc thù, phức tạp, có hàm lượng kỹ thuật cao và không thông dụng trên thị trường, Nhà thầu phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Mục 4. Yêu cầu của báo giá

- Báo giá của nhà thầu phải ghi rõ các thông tin:

- Tên công ty;
- Địa chỉ;

12/1
ĐƠN
CƠ
BỆNH
GIAO
VẬN
TẢI

- Số điện thoại liên lạc:
- Thời gian thực hiện gói thầu: **30 ngày lịch.**
- Hiệu lực của báo giá tối thiểu là: **30 ngày.**
- Báo giá và các tài liệu kèm theo phải được để trong phong bì niêm phong kín, bên ngoài bì thư ghi rõ: Tên công ty, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và tên gói thầu.
- Báo giá của nhà thầu phải được đóng dấu và có chữ ký của người đại diện hợp pháp. Trường hợp người đại diện hợp pháp của nhà thầu đi vắng thì phải có giấy ủy quyền cho người ký thay.
- Thời gian nộp báo giá: **Trước 10h00 ngày 02/10/2025.**
- Địa điểm nộp báo giá: **P.301 tầng 3 nhà E, Bệnh viện Giao thông vận tải.**

Mục 5. Đánh giá báo giá:

Báo giá của nhà thầu chỉ được xem xét về giá khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Báo giá của nhà thầu phải được đóng dấu và có chữ ký của người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền.
- Thời gian thi công không vượt quá : 30 ngày
- Hiệu lực của báo giá tối thiểu là : 30 ngày.
- Thời gian bảo hành tối thiểu là : 12 tháng.
- Nhà thầu đáp ứng các điều kiện trên và có giá chào thấp nhất sẽ được xem xét để nghị trúng thầu.

Mục 6. Tài liệu đính kèm: Bảng khối lượng báo giá

STT	Tên Sản Phẩm	Kích thước		Khối lượng		
		Rộng	Cao	ĐVT	SL (bộ)	KL
KHOA PHỤ SẢN SƠ SINH – TẦNG 5						
P509	Rèm văn phòng	1.34	2.53	m2	1.00	3.39
	Rèm văn phòng	1.79	2.53	m2	1.00	4.53
P508	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.75	2.53	Cái	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.98	2.53	Cái	1.00	1.00
P507	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.39	2.53	Cái	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.79	2.53	Cái	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.73	2.53	Cái	1.00	1.00
P506	Rèm văn phòng	1.84	2.53	m2	1.00	4.66
	Rèm văn phòng	1.84	2.53	m2	1.00	4.66
	Rèm văn phòng	2.08	2.53	m2	1.00	5.26
P510	Rèm văn phòng	1.69	1.5	m2	2.00	5.07

STT	Tên Sản Phẩm	Kích thước		Khối lượng		
		Rộng	Cao	DVT	SL (bộ)	KL
	Rèm văn phòng	1.74	2.53	m2	1.00	4.40
	Rèm văn phòng	1.23	2.53	m2	1.00	3.11
	Rèm văn phòng	1.27	2.53	m2	1.00	3.21
	Rèm văn phòng	1.29	2.53	m2	1.00	3.26
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.69	1.5	Cái	1.00	1.00
P531	Rèm văn phòng	1.63	2.53	m2	1.00	4.12
	Rèm văn phòng	1.95	2.53	m2	1.00	4.93
P530	Rèm văn phòng	1.82	2.53	Cái	1.00	4.60
	Rèm văn phòng	1.96	2.53	Cái	1.00	4.96
P529	Rèm văn phòng	1.49	2.53	Cái	1.00	3.77
	Rèm văn phòng	2.25	2.53	Cái	1.00	5.69
P528	Rèm văn phòng	1.21	2.53	Cái	1.00	3.06
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	Cái	2.00	6.02
P527	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.96	2.53	Cái	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.92	2.53	Cái	1.00	1.00
KHOA CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH - TẦNG 5						
Phòng hành chính	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.67	1.4	Cái	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.67	1.5	Cái	1.00	1.00
	Rèm văn phòng	1.49	2.2	m2	1.00	3.28
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.67	1.5	m2	1.00	1.00
P522	Rèm văn phòng	1.96	2.55	m2	1.00	5.00
	Rèm văn phòng	1.94	2.55	m2	1.00	4.95
P523	Rèm văn phòng	1.51	2.53	m2	1.00	3.82
	Rèm văn phòng	1.32	2.53	m2	1.00	3.34
	Rèm văn phòng	0.7	2.53	m2	1.00	1.77

STT	Tên Sản Phẩm	Kích thước		Khối lượng		
		Rộng	Cao	ĐVT	SL (bộ)	KL
P524	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	0.69	2.53	m2	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	0.69	2.53	m2	1.00	1.00
	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	0.86	2.53	m2	1.00	1.00
P525	Rèm văn phòng	1.11	2.53	m2	1.00	2.81
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.37	2.53	m2	1.00	3.47
P526	Rèm văn phòng	1.94	2.53	m2	1.00	4.91
	Rèm văn phòng	1.19	1.5	Cái	1.00	1.79
	Rèm văn phòng	1.68	2.53	m2	1.00	4.25
Hành lang	Đầu kéo rèm phi 30 mã CCH-004	1.69	1.5	m2	1.00	1.00
P501	Rèm văn phòng	0.89	2.53	m2	1.00	2.25
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.3	2.53	m2	1.00	3.29
P502	Rèm văn phòng	1.34	2.53	m2	1.00	3.39
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.27	2.53	m2	1.00	3.21
	Rèm văn phòng	1.47	2.53	m2	1.00	3.72
P503	Rèm văn phòng	1.04	2.53	m2	1.00	2.63
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	0.67	2.53	m2	1.00	1.70
Phòng đồ vải	Rèm văn phòng	1.31	2.53	m2	1.00	3.31
	Rèm văn phòng	0.72	2.53	m2	1.00	1.82
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01

STT	Tên Sản Phẩm	Kích thước		Khối lượng		
		Rộng	Cao	ĐVT	SL (bộ)	KL
	Rèm văn phòng	0.74	2.53	m2	1.00	1.87
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	0.86	2.53	m2	1.00	2.18
	Rèm văn phòng	1.06	2.53	m2	1.00	2.68
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.14	2.53	m2	1.00	2.88
P505	Rèm văn phòng	0.94	2.53	m2	1.00	2.38
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.19	2.53	m2	1.00	3.01
	Rèm văn phòng	1.28	2.53	m2	1.00	3.24
Chi phí lắp đặt và sửa rèm cũ				Gói	1.00	

Ghi chú:

- Thời gian thi công: 30 ngày.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng.



TS.BS. Bùi Sỹ Tuấn Anh